

CỔ PHẦN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC) TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. SCIC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC QUY CHẾ CHÀO BÁN CẠNH TRANH, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHUYỂN

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



SCIC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy

Hung, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3824 0703

Fax: 024. 6278 0136

Website: <http://www.scic.vn/>

TỔ CHỨC CỔ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG



Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh
Tuyên Quang

Điện thoại: 0207. 3826 483 /3820778

Fax: 0207. 3827 707

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.3974 1771

Fax: 024.3974 1760

Website: www.cts.vn

TỔ CHỨC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 2626/ 3936 0750

Fax: 024. 3934 7818

Website: <https://www.hnx.vn>

Tháng năm 2020

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN
CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CTCP KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG**

Tên cổ phần chuyển nhượng:	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang
Loại cổ phần chuyển nhượng:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng:	1.275.000 cổ phần (chiếm 51% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Phương thức chuyển nhượng:	Chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Giá khởi điểm:	33.000 đồng/cổ phần
Cơ sở tính giá khởi điểm:	- Căn cứ theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; - Chứng thư thẩm định giá số 415/2020/UHY-CTTĐG ngày 15/6/2020 xác định giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang tại thời điểm 30/6/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành (đơn vị thẩm định giá sử dụng phương pháp tài sản và phương pháp tỷ số bình quân)
Tổ chức chuyển nhượng cổ phần:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
Thời gian tổ chức chuyển nhượng cổ phần:	Dự kiến trong Quý III/2020
Cam kết của SCIC:	SCIC cam kết hỗ trợ tối đa nhà đầu tư trúng chào bán cạnh tranh sớm tham gia quản trị doanh nghiệp
Địa điểm công bố thông tin:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội Điện thoại: 024. 3824 0703

Fax: 024. 6278 0136

Website: <http://www.scic.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn,
tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207. 3826 483 /3820778

Fax: 0207. 3827 707

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.3974 1771

Fax: 024.3974 1760

Website: www.cts.vn

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 2626/ 3936 0750

Fax: 024. 3934 7818

Website: <https://www.hnx.vn>

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
1.1. Tăng trưởng kinh tế	5
1.2. Rủi ro lạm phát	7
1.3. Rủi ro về lãi suất	8
2. Rủi ro về luật pháp	9
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro khác	10
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	10
2. Tổ chức có vốn nhà nước chuyển nhượng	10
3. Tổ chức tư vấn	11
IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	12
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	13
1. Thông tin cơ bản	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	14
3. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán	14
4. Số cổ phần sở hữu	14
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
1.1. Thông tin chung	15
1.2. Quá trình hình thành phát triển	15
1.3. Ngành nghề kinh doanh	16
2. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý công ty	20
3. Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Công ty	26
4. Cơ cấu cổ đông	27
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	27
4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty	27
5. Hoạt động kinh doanh	27
5.1. Sản phẩm/Dịch vụ chủ yếu	27
5.2. Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28
5.3. Cơ cấu chi phí	29

6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất	30
7.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
8.	Tình hình tài chính	33
9.1.	Trích khấu hao TSCĐ	33
9.2.	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	33
9.3.	Các khoản phải nộp theo luật định	33
9.4.	Tình hình công nợ	34
10.	Tài sản	35
11.	Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty	35
12.	Tình hình quản lý và khai thác mỏ khoáng sản của Công ty	39
13.	Tình hình lao động và sử dụng lao động của Công ty	40
13.1.	Tình hình lao động	40
13.2.	Chính sách với người lao động	40
14.	Định hướng phát triển	41
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:	42
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	43
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn (nếu có)	44
VII.	THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	44
1.	Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán	44
2.	Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm	44
3.	Phương thức chuyển nhượng vốn	45
4.	Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh	45
5.	Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:	45
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài	45
7.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	47
8.	Các loại thuế có liên quan	47
9.	Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn	47
10.	Cam kết của SCIC	47
VIII.	MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	48
IX.	CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	48
X.	BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU CÓN CHUYỂN NHƯỢNG	48
XI.	THAY LỜI KẾT	49
XII.	PHỤ LỤC	50

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP (%) của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2019	6
Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2019.....	7
Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	16
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty đến 30/6/2020	27
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/6/2020	27
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của công ty trong năm 2017, 2018 và 2019.....	28
Bảng 5: Cơ cấu chi phí của công ty năm 2017, 2018 và 30/06/2019.....	29
Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018 và 2019	30
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	32
Bảng 8: Số dư Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước	33
Bảng 9: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 01/01/2017 – 31/12/2019.....	34
Bảng 10: Các khoản nợ phải trả của Công ty	34
Bảng 11: Giá trị TSCĐ của Công ty tại ngày 31/12/2019.....	35
Bảng 12: Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty	35
Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty 30/06/2020.....	40
Bảng 14: Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo	42

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 14/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC).
- Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động SCIC;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 59/2018/TT – BTC ngày 16/07/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 219/2015/TT-BTC về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đến năm 2020;
- Nghị quyết số 147/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 16/06/2020 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về phương án chào bán cạnh tranh cổ

phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang;

- Quyết định số 254/QĐ-ĐTKDV ngày 23/06/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang;
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang số 38/SCIC - CKCT ngày 16/07/2018 giữa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công thương) về việc bán cổ phần SCIC tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang;
- Chứng thư thẩm định giá số 415/2020/UHY-CTTĐG ngày 15/6/2020 xác định giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang tại thời điểm 30/6/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, Lạm phát, Lãi suất, Tỷ giá hối đoái. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang cũng như các doanh nghiệp khác là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển; ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

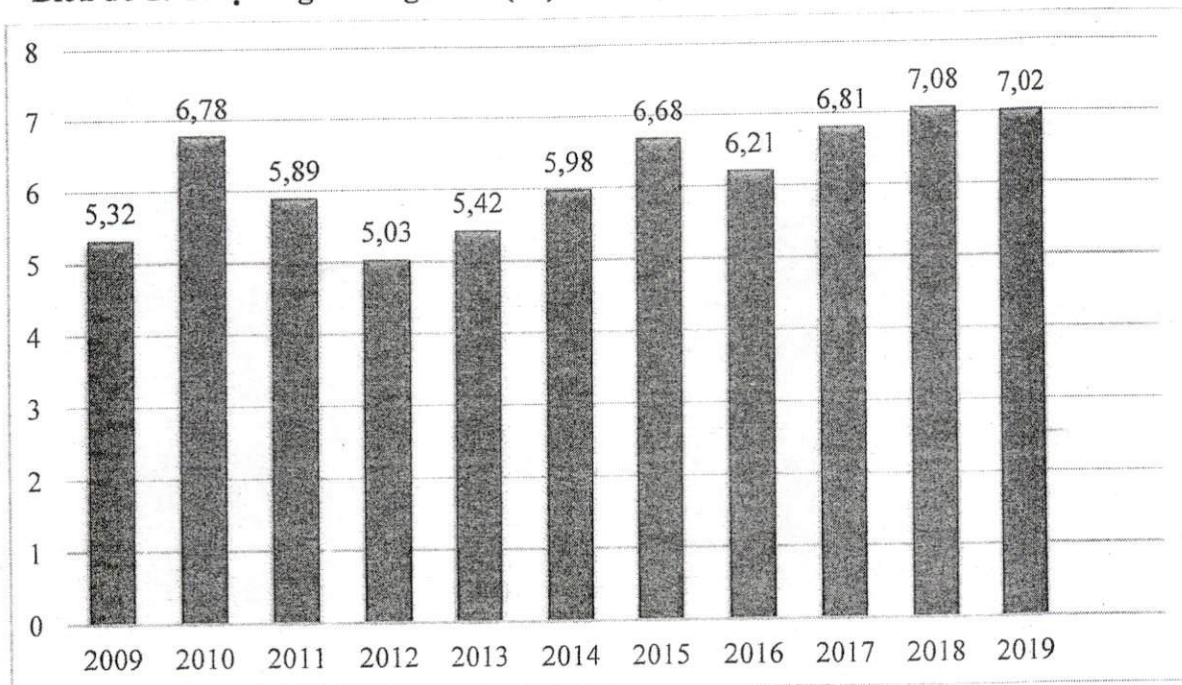
1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, năng lực tài chính, nhu cầu của (các) khách hàng trong việc đưa ra các kế hoạch đầu tư, quyết định đầu tư... Từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê (GSO), tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%

(Quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48%; quý IV tăng 6,97%). Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP (%) của Việt Nam giai đoạn 2009 – 2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Trước sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, kết quả tăng trưởng 7,02% khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019.

Đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng nổ, dẫn tới các chính sách phong tỏa biên giới của các nước để ngăn chặn sự lây lan của đại dịch, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và tiêu dùng. Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, trong đó, động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (bán buôn bán lẻ tăng 4,3%, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%). Riêng GDP Quý II tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước là mức tăng thấp nhất của Quý II các năm trong giai đoạn 2011-2020.

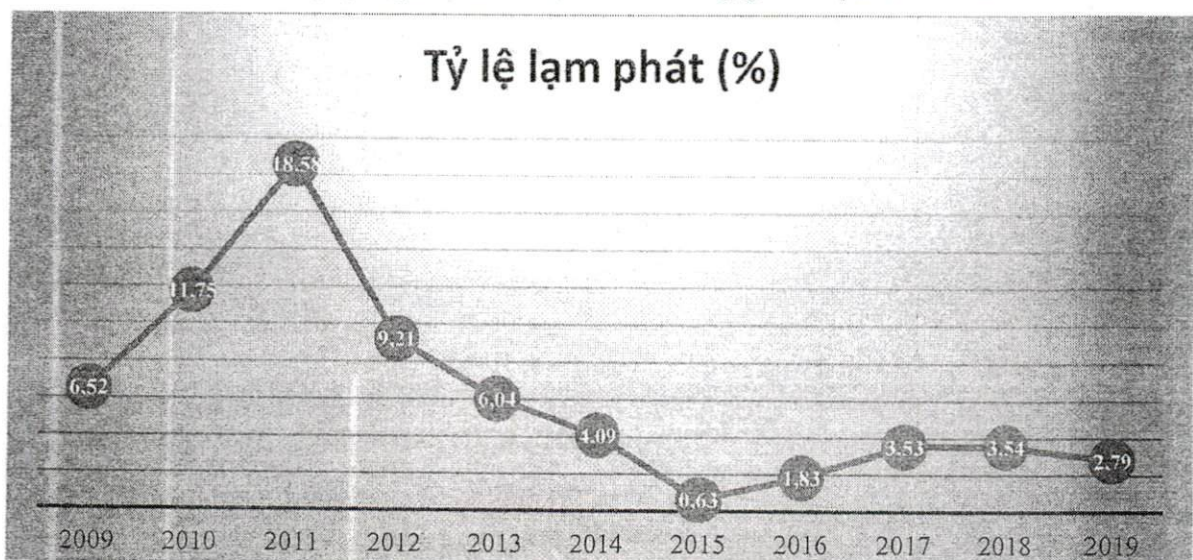
Nguyên nhân là do quý II/2020 chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch COVID-19 khi Chính phủ chỉ đạo thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm giãn cách xã hội; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,72%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,38%; khu vực dịch vụ giảm 1,76%. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít quốc gia đạt mức tăng trưởng dương nửa đầu năm 2020. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2020 tăng 0,66% so với tháng trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019; Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019 (Nguồn: Tổng cục thống kê). Dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 sẽ thấp hơn so với năm 2019, tương ứng 2,7% (theo IMF), 6,5% (theo WB) hoặc 6,7% (theo ADB).

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng của người dân, theo đó, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang.

1.2. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một yếu tố vĩ mô có thể tác động đến toàn bộ nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong giai đoạn 2008 – 2011, tỉ lệ lạm phát cao đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và (các) hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm chế lạm phát, ổn định vĩ mô là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ đã được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2009 – 2019



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê)

Theo báo cáo của Tổng Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, đây là mức tăng cao nhất trong 9 năm qua. Tính chung quý IV/2019, CPI tăng 2,01% so với quý trước và tăng 3,66% so với quý IV/2018. Tuy CPI tháng 12 tăng cao, song tính bình quân cả năm, chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Theo đó, Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục có một năm thành công khi ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4%). Như vậy đã 3 năm liên tiếp, Việt Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4%: Năm 2017, lạm phát là 3,53%, năm 2018 là 3,54%, còn năm 2019 là 2,79%. Đây là tiền đề quan trọng để thực hiện mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng ở mức dưới 4% trong năm 2020.

Năm 2020 đối mặt với nhiều thách thức do tác động của đại dịch Covid-19. CPI bình quân quý I/2020 so với cùng kỳ năm 2019 tăng 5,56%, tuy nhiên, Ngân hàng Thế giới dự báo lạm phát của Việt Nam năm 2020 cũng chỉ ở mức 3,5%.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát trong những năm gần đây được duy trì ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng trở lại.

1.3. Rủi ro về lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất thay đổi sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang nói riêng.

Mặt bằng lãi suất Việt Nam đã trải qua một năm 2019 đầy biến động trước sự ảnh hưởng của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các quy định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9/2019, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm.

Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm % và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9/2019.

Từ đầu năm 2020 đến nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1%-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản và tạo điều

kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; giảm 0,6-0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân. Theo đó, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm so với đầu năm. Về điều hành tỷ giá, mặc dù thị trường quốc tế diễn biến phức tạp, nhưng tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước ổn định, thanh khoản thông suốt, Tổ chức tín dụng mua ròng từ khách hàng, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Trong những tháng cuối năm 2020, NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa với các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối, hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Xác định lãi suất là một trong những chỉ số tài chính quan trọng, có thể ảnh hưởng lớn đến chi phí sử dụng vốn, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nên Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi, cập nhật tình hình lãi suất hàng ngày và luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng các khoản vay từ (các) ngân hàng, nhờ vậy, rủi ro lãi suất luôn được Công ty kiểm soát.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang là khai thác, chế biến Barite. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn khai thác mỏ

của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn.

Trong những năm gần đây, hoạt động khai thác chế biến khoáng sản đang gặp rất nhiều khó khăn và phải tạm dừng hoạt động, Công ty đã chuyển hướng tập trung sang kinh doanh thương mại, chủ yếu là siêu thị bán lẻ hàng hóa. Nguồn nguyên liệu, hàng hóa đầu vào của Công ty được cung cấp từ những đối tác có uy tín, quan hệ lâu năm, và có chính sách giá ưu đãi đối với Công ty. Các đối thủ cạnh tranh như siêu thị chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa, ... luôn là một trong những rủi ro mà Công ty phải đối mặt.

4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty như các hiện tượng thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... Đây là rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về con người, vật chất và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3824 0703 Fax: 024. 6278 0136

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có vốn nhà nước chuyển nhượng

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207. 3826 483 /3820778 Fax: 0207. 3827 707

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin

này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Công ty mà chỉ làm thay đổi tỉ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3556 2875 Fax: 024 3556 2874

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang do đơn vị tư vấn tham gia lập và công bố. Bản Công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên BCTC và các số liệu liên quan khác; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và Vietinbank Securities không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu do CTCP Khoáng sản Tuyên Quang cung cấp. Chúng tôi giả định rằng Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động và kinh doanh;
- Vietinbank Securities, nhân viên của Vietinbank Securities (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang cho SCIC, chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang và các khách hàng khác của Vietinbank Securities và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.
- Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- | | |
|-------------------------|--|
| - Công ty/TQM | : Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang |
| - CTCP | : Công ty Cổ phần |
| - CBNV | : Cán bộ nhân viên |
| - ĐKDN | : Đăng ký doanh nghiệp |
| - HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| - SCIC | : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước |
| - TSCĐ | : Tài sản cố định |
| - VietinBank Securities | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| - VDL | : Vốn điều lệ |

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Thông tin cơ bản

Tên giao dịch trong nước:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
Tên giao dịch quốc tế:	STATE CAPITAL AND INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt:	SCIC
Vốn điều lệ đăng ký:	50.000 tỷ đồng (Năm mươi nghìn tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	19.000 tỷ đồng (Mười chín nghìn tỷ đồng)
Trụ sở chính:	Tầng 23+24, Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại:	(84) 024.3824 0703
Fax:	(84) 024.3824 0703
Website:	www.scic.vn
Email:	contact@scic.vn
Giấy ĐKKD:	Số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 9/7/2010, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 13/5/2019
Ngành nghề kinh doanh:	- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; - Tiếp nhận và thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định; - Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do Tổng công ty tiếp nhận và trực tiếp đầu tư; - Tiếp tục thực hiện các hoạt động sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành; - Đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhà nước nắm giữ quyền chi phối; các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật. - Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, cổ phần hóa, quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, mua bán sáp

nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

- Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin,

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/06/2010.

3. Mối quan hệ với Công ty có cổ phần được chào bán

SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang là: Ông Nguyễn Thế Tuyên – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang, đại diện 1.275.000 cổ phần, tương đương giá trị cổ phần là 12.750.000.000 đồng (tính theo mệnh giá), chiếm tỷ lệ 51,00% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

4. Số cổ phần sở hữu

Ngày 29/12/2017, SCIC và UBND tỉnh Tuyên Quang đã ký Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang về SCIC, với số cổ phần sở hữu là 1.275.000 cổ phần, tương đương 51% số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

Từ khi tiếp nhận đến nay, số lượng cổ phần của SCIC tại Công ty không có biến động. Hiện tại, SCIC đang sở hữu 1.275.000 cổ phần, tương ứng với 51,00% số lượng cổ phần đang

lưu hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang
Tên viết tắt	:	TQM
Trụ sở chính	:	Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang
Điện thoại	:	0207.3820778
Fax	:	0207.3827 707
Giấy ĐKDN	:	Số 5000225771 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 15/08/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 31/01/2019
Vốn điều lệ đăng ký	:	25.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	25.000.000.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Nguyễn Thế Tuyên – Giám đốc

1.2. Quá trình hình thành phát triển

CTCP Khoáng sản Tuyên Quang tiền thân là Công ty Khai thác, chế biến Barite Tuyên Quang được thành lập từ năm 1995.

Năm 2004, CTCP Khoáng sản Tuyên Quang được cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Ngày 20/07/2004, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 869/QĐ-CT UBND Tỉnh Tuyên Quang về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Khai thác, chế biến Barite Tuyên Quang thành công ty cổ phần. Số vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 1.827.200.000 đồng, trong đó, vốn nhà nước là 931.900.000 đồng (chiếm 51% VDL). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác chế biến barite.

Năm 2005, Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.352.700.000 đồng, trong đó, vốn nhà nước là 2.725.300.000 đồng (chiếm 51% VDL).

Năm 2008, Công ty tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác chế biến Barite, tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng, trong đó, vốn nhà nước 7.650.000.000 đồng (chiếm 51% VDL).

Năm 2013, để tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng hệ thống siêu thị bán lẻ, Công ty tăng vốn điều lệ lên 25.000.000.000 đồng, trong đó, vốn nhà nước là

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

12.750.000.000 đồng (chiếm 51% VDL).

Từ đầu năm 2017 đến nay, hoạt động khai thác chế biến khoáng sản đang gặp rất nhiều khó khăn và phải dừng sản xuất. Tính đến thời điểm hiện tại, Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty đều đã hết hạn và đang thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ. Trường hợp Công ty muốn tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản thì phải xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới. Để tiếp tục duy trì hoạt động và đảm bảo đời sống cho người lao động, Công ty chuyển sang tập trung chủ yếu vào hoạt động kinh doanh thương mại. Hiện tại, Công ty có 5 siêu thị bán lẻ hàng hóa gồm: Siêu thị Tuyên Quang và các siêu thị tại các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Yên Sơn đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng các địa phương. Thương hiệu hệ thống siêu thị của công ty ngày càng được khẳng định về uy tín, chất lượng đối với người tiêu dùng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5000225771 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 15/08/2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 31/01/2019. Các ngành nghề kinh doanh chính theo đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Lập đề án tìm kiếm, thăm dò khai thác khoáng sản; lập dự án, phương án khai thác khoáng sản.	0990
4	Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp.	1622
5	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	47191
6	Cho thuê ô tô	77101
7	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón Chi tiết: Khai thác, chế biến Barite (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép	0891 (Chính)
8	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bột đá Cacbonnat canxi (CaCO ₃).	2399
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10	Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ	47733

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

STT	Tên ngành	Mã ngành
	trong các cửa hàng chuyên doanh	
11	Đại lý	46101
12	Xây dựng công trình đường bộ	42102
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kè, đập, tràn.	4290
14	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	46633
15	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình kênh, mương.	4220
16	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
17	Xây dựng nhà các loại	4100
18	Chuẩn bị mặt bằng	43120
19	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	43221
21	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ.	4730
22	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, gạch ốp, lát và thiết bị vệ sinh; xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác.	4752
23	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
24	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
25	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
26	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
27	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28	Bốc xếp hàng hóa	5224
29	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	77302
30	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Dịch vụ photocopy.	8219
31	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội nghị.	8230
32	Bán buôn sắt, thép	46622

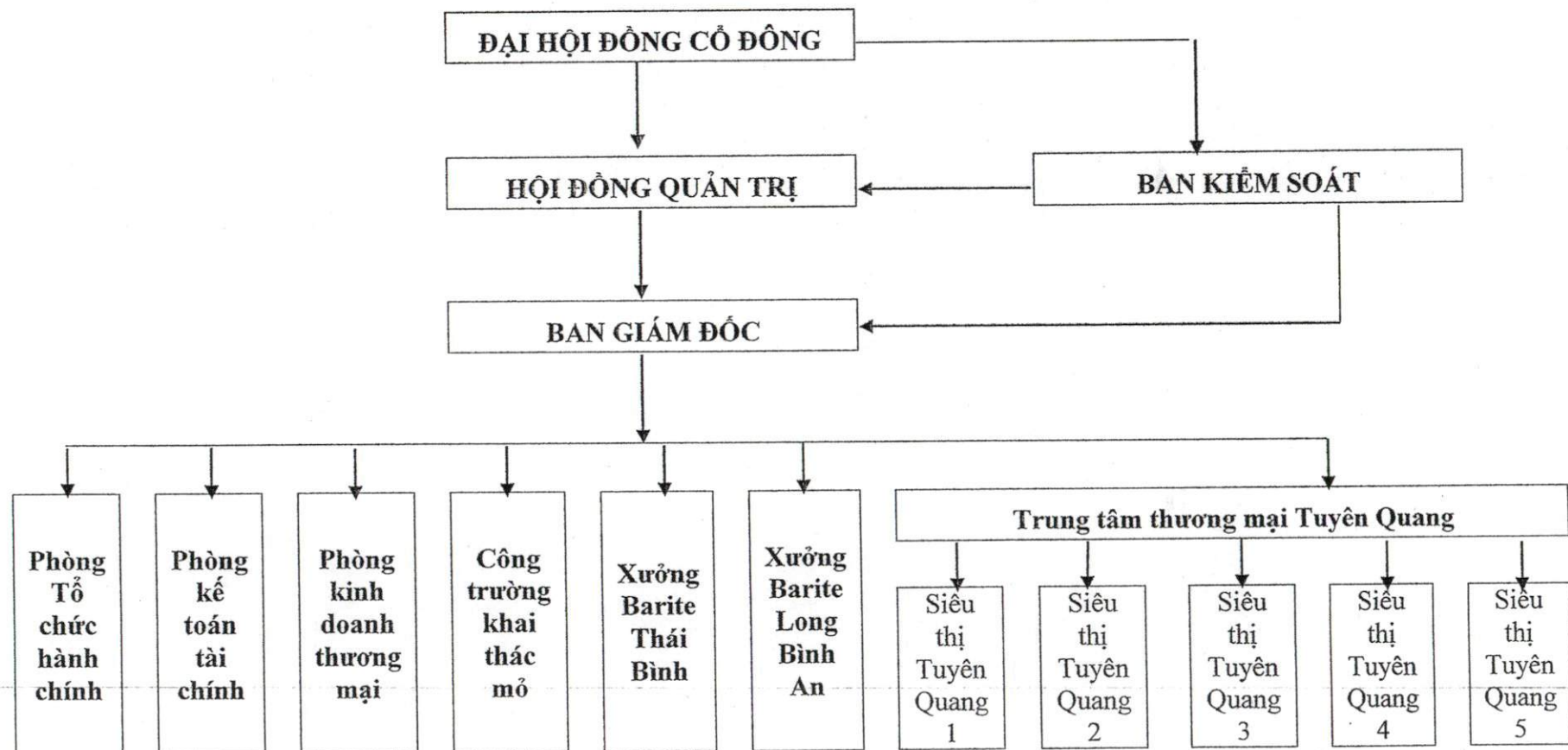
BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

STT	Tên ngành	Mã ngành
33	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	56101
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kiốt, văn phòng.	6810
35	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá xây dựng, đá làm đường, đá vôi, cát, sỏi, đất sét, cao lanh.	0810
38	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: Bán buôn thuốc lá.	4634
39	Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	47722
40	Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	46493
41	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát.	4633
42	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng xe ô tô tải (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
43	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống camera, hệ thống âm thanh.	4321
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng Fenspat (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép).	0722
45	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, nước giải khát.	4723
46	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá.	4724
47	Xuất khẩu các sản phẩm Barite	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống kinh tế Việt Nam

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang)

2. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG



(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang)

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ thảo luận, thông qua các vấn đề sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển; kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá kết quả kinh doanh, về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;
- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Quyết định mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi hằng năm trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổng số tiền thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược dài hạn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Phê chuẩn việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần và mức giá mua lại cổ phần của Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Phê chuẩn các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng văn phòng đại diện, chi nhánh, công ty con của Công ty; Quyết định tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của những người này;
- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác mà Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 04 thành viên:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Huy Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thế Tuyên	Thành viên HĐQT
Bà Lý Thị Hải Thảo	Thành viên HĐQT
Ông Trần Xuân Dũng	Thành viên HĐQT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang)

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, trong đó ít nhất có 01 người có trình độ chuyên môn về kế toán tài chính và phải thường trú ở Việt Nam.

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Thu Nga	Trưởng Ban
Tạ Phương Thủy	Thành viên
Hoàng Ngọc Long	Thành viên

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang)

❖ **Giám đốc**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Giám đốc Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

- Đề xuất kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư trung, dài hạn của Công ty và những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị xem xét, quyết định;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tuyển dụng lao động phù hợp với cơ cấu tổ chức, nhu cầu của sản xuất kinh doanh trên cơ sở tiết kiệm và quy định của pháp luật; sử dụng lao động có hiệu quả và không ngừng nâng cao năng suất lao động;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty và người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc. Mức tiền lương, tiền công chi trả phải phù hợp với đơn giá được phê duyệt, với tình hình thực tế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hằng năm, kế hoạch đầu tư chi tiết cho năm tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu thực tiễn, khả năng tài chính của Công ty và phù hợp với kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
- Kịp thời trình Hội đồng quản trị đầy đủ các Báo cáo tài chính quý, năm và các báo cáo khác của Công ty theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế của Công ty và quy định, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng giúp Giám đốc: Tổ chức bộ máy và điều hành công tác kế toán của công ty theo quy định của Luật kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty, đảm bảo việc ghi chép, tính toán số liệu chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh trong toàn công ty; thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, tài chính, thuế trong công ty; lập đầy đủ các báo cáo kế toán, tài chính, thuế và các báo cáo khác của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành; xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kiểm tra, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài chính đã xây dựng; quản lý, sử dụng vốn, tài sản, chi phí sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận; phân tích, đánh giá tài chính và thu thập, xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

Công ty, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn; đảm bảo nguồn vốn cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lao động tiền lương hàng năm của Công ty.

❖ **Phòng Kế toán – Tài chính**

Phòng Kế toán - Tài chính là bộ phận nghiệp vụ của Công ty, có chức năng tham mưu và giúp Giám đốc Công ty về thực hiện chức năng quản lý kế toán tài chính, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát hoạt động tài chính kế toán tại công ty theo quy định của pháp luật; Quản lý và sử dụng vốn, quỹ, tài sản, khấu hao, công nợ, doanh thu, chi phí, xác định và phân phối lợi nhuận của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phòng Kế toán - Tài chính có trách nhiệm: Xây dựng kế hoạch tài chính; Theo dõi, kiểm tra, kiểm soát về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, về thu, chi tài chính, thực hiện nghĩa vụ thu nộp, thanh toán nợ, về quản lý, sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, doanh thu, chi phí,... đảm bảo việc quản lý kinh tế tài chính tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty; Lập đầy đủ các báo cáo kế toán, tài chính, thuế và các báo cáo khác của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành; Xây dựng các quy định nội bộ về quản lý tài chính của Công ty; Đề xuất việc sử dụng các loại vốn vào sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh tế; Phối hợp với các phòng chức năng khác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lao động tiền lương hàng năm của Công ty.

❖ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

Phòng Tổ chức Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty và tổ chức thực hiện các công việc: Tổ chức bộ máy, bố trí lao động, tiền lương, tiền thưởng, quản lý hành chính, bảo hộ lao động, thực hiện chế độ chính sách của người lao động; bảo quản và sử dụng con dấu Công ty theo quy định của Nhà nước; thực hiện các nghiệp vụ văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ; quản lý hồ sơ lý lịch đảng viên và người lao động trong Công ty; triển khai thực hiện công tác bảo vệ trật tự trị an, an toàn tài sản và công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh lao động của Công ty; quản lý các trang thiết bị phục vụ cho văn phòng Công ty; xây dựng và tham gia xây dựng các nội quy, quy chế, định mức, kế hoạch của Công ty liên quan đến lĩnh vực lao động, tiền lương và hành chính quản trị; làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty. Đồng thời thực hiện công tác văn phòng của Đảng ủy, Công đoàn Công ty.

❖ **Phòng kinh doanh thương mại**

Phòng Kinh doanh thương mại là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về chiến

lược, kế hoạch kinh doanh thương mại; nghiên cứu, đề xuất việc ký kết hợp đồng mua hàng hóa cho các siêu thị; lập kế hoạch mua hàng hóa cho các siêu thị; xây dựng chính sách bán hàng, giá bán hàng hóa, khuyến mãi, chiết khấu và các chương trình quảng bá, tiếp cận đến khách hàng. Đồng thời, thực hiện và chịu trách nhiệm về khai thác, mua, tiếp nhận hàng hóa, về chất lượng hàng hóa cung cấp cho các siêu thị và xem xét, giải quyết các khiếu nại của khách hàng về hàng hóa; tham gia với các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng các quy chế, định mức, kế hoạch kinh doanh của Công ty.

❖ **Trung tâm thương mại Tuyền Quang**

Trung tâm thương mại Tuyền Quang có nhiệm vụ: Quản lý, chỉ đạo các siêu thị thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của siêu thị (thực hiện công tác bán hàng; quản lý số lượng, chất lượng, hạn sử dụng của hàng hóa; quản lý tài sản, thiết bị, dụng cụ sử dụng trong bán hàng tại siêu thị; ...); đặt hàng với phòng kinh doanh thương mại và điều phối hàng hóa cho các siêu thị; tổ chức, triển khai, đôn đốc và giám sát công tác bán hàng tại các siêu thị để đạt được doanh thu theo kế hoạch của Công ty; quản lý, điều phối và kiểm tra, giám sát nhân lực làm việc tại các siêu thị trong hệ thống; quản lý tài sản tại các siêu thị; tổ chức thu thập thông tin về hàng hóa và tiếp nhận ý kiến, khiếu nại của khách hàng; tham mưu xây dựng chính sách bán hàng, chính sách về giá, khuyến mãi, chiết khấu & các chương trình quảng bá, tiếp cận khách hàng; đề xuất chính sách cho khách hàng, nhóm khách hàng.

❖ **Công trường khai thác mỏ**

Công trường khai thác mỏ có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện việc khai thác, tận thu và tuyển chọn quặng Barite tại các mỏ công ty được cấp phép và vận chuyển về các xưởng chế biến theo kế hoạch sản xuất bột Barite của Công ty; quản lý chặt chẽ sản phẩm đã sản xuất trong quá trình khai thác, vận chuyển; quản lý chủ quyền vùng mỏ được cấp phép, tận thu tối đa tài nguyên khoáng sản trong khai thác; quản lý và sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị, lao động, vật tư, chi phí được công ty giao trong khai thác; thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường tại khu vực khai thác; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn tại khu vực khai thác.

❖ **Các xưởng chế biến Barite (*Xưởng Barite Thái Bình, Xưởng Barite Long Bình An*):**

Các xưởng chế biến Barite có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện tuyển chọn, chế biến quặng Barite thành bột Barite đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu sản xuất và kế hoạch sản xuất, tiêu thụ của Công ty; nhận gia công bột barite, cao lanh, fenspat cho khách hàng.

3. Công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Công ty

Không có

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty đến 30/6/2020

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị cổ phần nắm giữ tính theo mệnh giá	Tỷ trọng/Vốn Điều lệ
1	SCIC	1.275.000	12.750.000.000	51,00%
2	Bùi Thị Lượm	790.430	7.904.300.000	31,62%
3	Phạm Thị Phương Anh	228.530	2.285.300.000	9,14%
	Tổng cộng	2.293.960	22.939.600.000	91,76%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang)

4.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 30/6/2020

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	39	2.500.000	100%
Cá nhân	38	1.225.000	49%
Tổ chức	1	1.275.000	51%
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
Cá nhân	0	0	0%
Tổ chức	0	0	0%
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	39	2.500.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang)

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm/Dịch vụ chủ yếu

5.1.1. Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang thành lập năm 1995, tiền thân là Công ty Khai thác, chế biến Barite Tuyên Quang, chuyên khai thác chế biến barite. Trong những năm gần đây, hoạt động khai thác chế biến Barite đang gặp rất nhiều khó khăn và phải dừng sản xuất từ đầu năm 2017. Tính đến thời điểm hiện tại, Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty đều đã hết hạn và đang thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ. Trường hợp Công ty muốn tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản thì phải làm thủ tục xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian dừng hoạt động khai thác, chế biến Barite, Công ty nhận gia công Barite, cao lanh, fenspat cho khách hàng tại Xưởng chế biến Barite Thái Bình và Xưởng chế biến Barite Long Bình An, để tạo việc làm cho người lao động, tuy nhiên việc gia công của khách hàng không thường xuyên, sản lượng ít, nên hoạt động tại các xưởng không liên tục.

5.1.2. Hoạt động kinh doanh thương mại, siêu thị

Từ năm 2012, cùng với hoạt động khai thác, chế biến Barite, Công ty đã mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ, trong đó tập trung xây dựng hệ thống bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng, siêu thị. Đến thời điểm hiện tại, Công ty có 5 siêu thị bán lẻ hàng hóa gồm: Siêu thị Tuyên Quang và các siêu thị tại các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Yên Sơn. Từ đầu năm 2017 đến nay Công ty đã chuyển hướng tập trung chủ yếu vào kinh doanh thương mại để duy trì hoạt động và phát triển bền vững trong tương lai.

5.1.3. Các sản phẩm, dịch vụ khác

Ngoài các hoạt động nói trên, năm 2018 Công ty đã hoàn thành việc đầu tư Khu vui chơi trẻ em tại tầng 3 tòa nhà Trung tâm thương mại Tuyên Quang. Khu vui chơi đã được đưa vào hoạt động từ Quý III năm 2018.

5.2. Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của công ty trong năm 2017, 2018 và 2019

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần bán Barite (*)	25.665	30,78%	12.586	16,53%	3.484	4,8%
2	Doanh thu thuần từ hệ thống siêu thị	53.000	63,56%	60.267	79,17%	64.359	88,7%
3	Doanh thu thuần gia công Barite, cao lanh, Fenspat	1.645	1,97%	1.270	1,67%	3.214	4,5%
4	Doanh thu thuần cho thuê văn phòng tại TTTM	1.665	2,0%	1.251	1,64%	657	0,9%
5	Doanh thu thuần cho thuê mặt bằng + thiết bị sản xuất	965	1,16%	576	0,76%	810	1,1%
6	Doanh thu thuần cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác	443	0,53%	172	0,23%	-	-
Tổng cộng		83.383	100%	76.122	100%	72.524	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

Ghi chú: () Doanh thu từ việc tiêu thụ bột, quặng barite tồn kho từ trước.*

Doanh thu thuần năm 2018 giảm hơn 7 tỷ đồng (tương đương 9%) so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu bán bột Barite giảm mạnh (giảm hơn 13 tỷ đồng, tương đương giảm 51%) so với năm 2017 do: Năm 2018 công ty không khai thác và chế biến Barite mà chỉ tập trung tiêu thụ quặng và bột Barite tồn kho từ trước, nên sản lượng tiêu thụ thấp hơn so với năm 2017, đồng thời do thị trường Barite giảm sút, nên giá bán bột Barite năm 2018 giảm so với năm 2017.
- Ngoài ra, trong năm 2018, doanh thu gia công Barite, cao lanh, Fenspat cho khách hàng đạt thấp (giảm 23% so với năm 2017) do khách hàng gặp khó khăn về tiêu thụ. Bên cạnh đó, doanh thu cho thuê mặt bằng tại Trung tâm thương mại giảm (khoảng 25%) so với năm 2017 do sau khi BIDV trả lại mặt bằng thuê, chưa có khách hàng khác thuê.

Năm 2019, Doanh thu đạt 72,5 tỷ đồng, bằng 95,3% so với năm 2018, trong đó chủ yếu là doanh thu bán lẻ hàng hoá từ hệ thống siêu thị (chiếm tới 88,7% tổng doanh thu thuần năm 2019). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Doanh thu năm 2019 giảm gần 3,6 tỷ đồng (tương đương giảm 4,7%) so với năm 2018 là do: Doanh thu từ việc tiêu thụ bột, quặng Barite tồn kho các năm trước sụt giảm mạnh (từ 12,59 tỷ đồng xuống 3,5 tỷ đồng, giảm 72,3%), doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng tại TTTM cũng giảm gần 600 triệu đồng (giảm 47,5%).

5.3. Cơ cấu chi phí

Bảng 5: Cơ cấu chi phí của công ty năm 2017, 2018 và 30/06/2019

Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn hàng bán	69.719	83,61%	68.562	90,07%	59.740	82,37%
Chi phí bán hàng	10.787	12,94%	9.271	12,18%	9.378	12,93%
Chi phí QLDN	2.051	2,46%	3.935	5,17%	3.385	4,67%
Chi phí tài chính	1.178	1,41%	466	0,61%	112	0,15%
Chi phí khác	32	0,04%	175	0,23%	127	0,18%
Tổng cộng	83.767	100,46%	82.409	108,26%	72.742	100,3%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của TQM)

- Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2018 tăng hơn so với năm 2017 nguyên nhân chủ yếu là: Năm 2018 giá bán Barite giảm so với năm 2017, đồng thời trong năm

công ty không sản xuất mà tập trung tiêu thụ bột Barite tồn kho được sản xuất từ năm 2016, do thời gian sản phẩm tồn kho dài nên chất lượng giảm, bao bì đã hư hỏng toàn bộ, khi tiêu thụ để giải phóng hàng tồn đã phát sinh thêm chi phí thay bao bì và chi phí xử lý một số sản phẩm bị ẩm, ướt, từ đó làm tăng giá vốn hàng bán.

- Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần năm 2018 cao hơn so với năm 2017, nguyên nhân chủ yếu là: Các bộ phận sản xuất công nghiệp dừng sản xuất không tạo ra sản phẩm, doanh thu nhưng vẫn phải chịu các khoản chi phí như tiền thuê đất mỏ và các xưởng sản xuất, chi phí quản lý và bảo vệ nhà xưởng (tiền lương, tiền điện và các khoản chi phí khác liên quan), chi phí khấu hao những tài sản cố định còn giá trị,... do đó các chi phí này được hạch vào chi phí quản lý.
- Năm 2019, giá vốn hàng bán 59.740 triệu đồng chiếm 82,37% tổng doanh thu. Tổng chi phí của Công ty 72.742 triệu đồng chiếm 100,3% Doanh thu thuần, trong đó có chi phí phát sinh do phải trả trợ cấp cho người lao động chấm dứt hợp đồng lao động từ năm 2017-2018 vì dừng sản xuất khoáng sản số tiền 758 triệu đồng. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty vẫn có lãi gần 1,02 tỷ đồng do có khoản thu nhập khác đạt 1.218 triệu đồng từ: thanh lý tài sản cố định (786 triệu đồng), thu nhập từ hàng khuyến mại và thưởng doanh số tại hệ thống siêu thị (432 triệu đồng).

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm gần nhất

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018 và 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	% tăng (giảm) năm 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	79.482	50.485	55.185	9,31%
2	Vốn chủ sở hữu	39.751	33.970	34.989	2,99%
3	Doanh thu thuần	83.381	76.122	72.524	(4,7)%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(306)	(6.089)	(72)	-
5	Lợi nhuận khác	621	309	1.091	253%
6	Lợi nhuận trước thuế	315	(5.781)	1.019	-
7	Lợi nhuận sau thuế	306	(5.781)	1.019	-
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	122	(2.312)	407	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0	0

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2018, năm 2019 của TQM)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

Năm 2018, tổng tài sản của Công ty giảm gần 29 tỷ đồng so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do: khoản tiền gửi không kỳ hạn của Công ty giảm mạnh (từ hơn 22 tỷ đồng năm 2017, giảm xuống còn hơn 8 tỷ đồng năm 2018) và Công ty đã bán được gần 16 tỷ đồng hàng tồn kho (bột và quặng barite). Công ty đã sử dụng số tiền này để thanh toán các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Tuyên Quang và Ngân hàng Agribank – chi nhánh Tuyên Quang, từ đó nợ vay ngân hàng năm 2018 đã giảm so với năm 2017 trên 24 tỷ đồng.

Năm 2019, tổng tài sản của Công ty tăng khoảng 4,7 tỷ đồng so với năm 2018, chủ yếu đến từ tăng tài sản ngắn hạn là Hàng tồn kho và Tiền và các khoản tương đương tiền. Tại thời điểm ngày 31/12/2019, giá trị hàng tồn kho của Công ty là 19,42 tỷ đồng, chiếm 35,2% tổng tài sản và tăng gần 23% so với cuối năm 2018, trong đó giá trị vật tư, hàng hoá chậm luân chuyển là 1,25 tỷ đồng (vật tư, hàng hoá sử dụng cho sản xuất được mua sắm từ năm 2016 về trước, từ năm 2017 Công ty đã dừng hoạt động khai thác, chế biến Barite nên không có nhu cầu sử dụng). Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty tăng hơn 2,2 tỷ đồng do trong năm 2019, Công ty đã đòi được một số khoản phải thu ngắn hạn dẫn đến các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng năm 2019 giảm 1,4 tỷ đồng, ngoài ra việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác đã thu về cho Công ty 823 triệu đồng.

Năm 2018, Công ty lỗ 5,78 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do:

- + Trong năm 2018, hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty đã dừng hoạt động và chỉ tập trung tiêu thụ hàng tồn kho. Các Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty hầu hết đã hết thời hạn được phép khai thác.
- + Giá bán bột Barite thành phẩm trên thị trường rất thấp, chỉ bằng khoảng 71% giá bán năm 2017 và giá bán kế hoạch. Công ty phải bán lỗ để giải phóng sản phẩm tồn kho, tránh hư hỏng thêm và trả tiền vay ngân hàng để giảm chi phí lãi vay.
- + Sản lượng gia công Barite cho khách hàng chỉ đạt 3.961,5 tấn (bằng 26,4% kế hoạch năm – 15.000 tấn) do nhu cầu gia công Barite thấp do ảnh hưởng chung của thị trường dầu mỏ thế giới và sự giảm sút của thị trường tiêu thụ, giá bán Barite trên thị trường.
- + Các khu vực sản xuất Barite của công ty dừng hoạt động nhưng vẫn phải chịu các khoản chi phí: Tiền thuê đất; chi phí quản lý và bảo vệ nhà xưởng (tiền lương, tiền điện và các khoản chi phí khác liên quan); chi phí khấu hao những tài sản cố định còn giá trị;... Trong khi đó, Công ty không có sản phẩm từ việc sản xuất và khai thác Barite.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

+ Nguồn doanh thu chính trong năm nay của Công ty đến từ việc kinh doanh thương mại, dịch vụ. Tuy nhiên, do việc kinh doanh bán lẻ có chi phí bán hàng khá cao và biên lợi nhuận thấp nên lợi nhuận của Công ty từ mảng này không cao. Ngoài ra, các siêu thị bán lẻ của Công ty chịu cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh như siêu thị chuyên doanh của các tập đoàn lớn, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng tạp hóa, ... trên địa bàn.

Năm 2017, do lợi nhuận thấp nên Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất quyết định không chi trả cổ tức. Năm 2018, Công ty lỗ nên không chi trả cổ tức.

Năm 2019, Doanh thu thuần của Công ty đạt 72,5 tỷ đồng, giảm 4,7% so với năm 2018. Tuy nhiên Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 1,02 tỷ đồng do trong năm 2019 Công ty có khoản thu nhập khác 1.218 triệu đồng từ: thanh lý tài sản cố định (786 triệu đồng), thu nhập từ hàng khuyến mại và thưởng doanh số tại hệ thống siêu thị (432 triệu đồng). Tính đến 31/12/2019, tổng lỗ lũy kế của Công ty là 4,45 tỷ đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020, Công ty không trả cổ tức cho năm tài chính 2019, toàn bộ lợi nhuận thực hiện được sử dụng để bù lỗ lũy kế từ năm trước.

7. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,79	1,68
+	Hệ số thanh toán nhanh (lần) ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	0,83	0,72
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,33	0,37
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,49	0,58
3.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	(7,59)	1,40
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân(%)	(15,68)	2,95
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	(8,9)	1,93
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	(8,0)	(0,1)
+	Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần (%)	(23,12)	4,07
+	Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần (%)	-	-

(Nguồn: Tính toán dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và 2019 của TQM)

8. Tình hình tài chính

9.1. Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	: 10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	: 05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	: 06 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	: 05 - 07 năm

- Tài sản cố định vô hình và hao mòn: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị đền bù, giải phóng mặt bằng của 2 xưởng sản xuất của Công ty (Xưởng Long Bình An tại xã Đội Cấn, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và Xưởng Thái Bình tại xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang); Giá trị đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO của công ty, tuy nhiên chứng nhận của hệ thống này đã hết hạn từ năm 2007

9.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ, không có nợ quá hạn.

9.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, Thuế TNDN và các khoản Thuế, phí khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 8: Số dư Thuế phải nộp Ngân sách nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	158.886.722	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.014.855	2.602.139	599.104
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(60.503.881)	-	(250.000.000)
Thuế tài nguyên	170.992.800	-	-
Tiền thuê đất			(36.186.100)
Thuế, phí khác	31.090.234	-	-
Tổng cộng	303.480.730	2.602.139	(285.586.996)

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018 và năm 2019 của TQM)

9.4. Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng 9: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty giai đoạn 01/01/2017 – 31/12/2019

Đơn vị tính: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	930.105.838	3.041.226.990	1.631.906.188
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.068.972.000	3.153.120.199	1.785.359.422
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-
3.	Phải thu ngắn hạn khác	13.551.338	20.524.291	22.239.202
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(152.417.500)	(132.417.500)	(175.692.436)
II.	Phải thu dài hạn	485.992.646	485.992.646	514.767.939
1.	Phải thu dài hạn khác	485.992.646	485.992.646	514.767.939
	- Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ	485.992.646	485.992.646	514.767.939
	Tổng cộng	1.416.098.484	3.527.219.636	2.146.674.127

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018, năm 2019 của TQM)

❖ Các khoản nợ phải trả

Bảng 10: Các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
I.	Nợ ngắn hạn	39.731.568.961	16.515.054.106	20.196.665.478
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	3.106.483.956	5.918.904.582	3.800.771.975
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	53.815.082	55.328.400	88.131.800
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	363.984.611	2.602.139	599.104
4.	Phải trả người lao động	-	-	460.767.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	150.677.237	7.136.986	139.961.506
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	357.818.182	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	82.514.506	235.293.477	17.481.295
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31.921.160.829	7.500.000.000	15.000.000.000

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.052.932.740	2.437.970.340	688.952.798
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		39.731.568.961	16.515.054.106	20.196.665.478

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2018 và năm 2019 của TQM)

Ghi chú: Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn cuối năm 2018 là khoản tiền nhận trước cho thuê nhà năm 2019 của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – CN Tuyền Quang.

10. Tài sản

Giá trị tài sản cố định chủ yếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang tại ngày 31/12/2019 như sau:

Bảng 11: Giá trị TSCĐ của Công ty tại ngày 31/12/2019

Đơn vị: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ GTCL/NG
I	TSCĐ hữu hình	63.865.651.496	16.055.616.304	25,14%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	30.913.622.197	16.055.616.304	51,94%
2	Máy móc, thiết bị	23.448.350.288	-	0
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.180.231.533	-	0
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	323.447.478	-	0
II	TSCĐ vô hình	1.377.090.894	-	0
1	Quyền sử dụng đất	1.321.130.037	-	0
2	TSCĐ vô hình khác	55.960.857	-	0
Tổng cộng		65.242.742.390	16.055.616.304	24,61

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của TQM)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2019: 40.974.459.354 đồng, trong đó 14 tài sản có nguyên giá 5.518.661.109 đồng đang trong quá trình thanh lý.

11. Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty

Bảng 12: Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang đang sử dụng và quản lý các mảnh đất sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

TT	Tên dự án – Vị trí đất	Loại đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Đất mua/Đất thuê
1	Đất nhà Trung tâm thương mại (cửa hàng Bách hóa cũ) thuộc tổ 6, phường Tân Quang, thị xã Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Giấy CNQSDĐ số AH 550125 do UBND tỉnh Tuyền Quang cấp ngày 04/02/2008	1.346	Đất nhận chuyển nhượng (thời hạn 50 năm, hết hạn ngày 15/01/2055, trả tiền 01 lần)
2	Bãi đỗ xe – Tổ 6, phường Tân Quang, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang	Đất thương mại, dịch vụ	Giấy CNQSDĐ số BT 161774 do UBND tỉnh Tuyền Quang cấp ngày 16/03/2017	531	Đất thuê của nhà nước trả tiền thuê hàng năm (thời hạn 10 năm, hết hạn ngày 11/7/2026)
3	Đất xưởng Thái Bình – Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyền Quang	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giấy CNQSDĐBT 163528 do UBND tỉnh Tuyền Quang cấp ngày 10/5/2015	31.247	Đất thuê của nhà nước trả tiền thuê hàng năm (hết hạn 03/12/2021)
4	Đất xưởng Long Bình An – cụm công nghiệp Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giấy CNQSDĐBM 769703 do UBND tỉnh Tuyền Quang cấp ngày 31/12/2013	127.194	Đất thuê của nhà nước trả tiền thuê hàng năm (hết hạn 31/7/2056)
5	Đất siêu thị Sơn Dương – thôn Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyền Quang	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	Không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	622	Đất thuê của nhà nước trả tiền thuê hàng năm (từ 13/12/1995)
6	Đất siêu thị tại Tổ dân phố Tân Tiến, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyền Quang		Hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 15/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang và Ông Lý Đức Mạnh (gồm 03 thửa đất số 02374.5.224; 02374.2.223 và 02374.2.222);	315	Đất thuê của cá nhân, trả tiền theo hợp đồng (thời hạn thuê 05 năm, từ 15/7/2017-14/7/2022)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

TT	Tên dự án – Vị trí đất	Loại đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Đất mua/Đất thuê
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 939036 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 05/01/2007 cho ông Lý Đức Mạnh;	120	
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 952831 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/10/2006 cho bà Lý Thị Hải Phương; Hợp đồng thuê đất ký giữa ông Lý Đức Mạnh và bà Lý Thị Hải Phương ngày 10/07/2017	97,5	
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 952832 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/10/2006 cho bà Lý Thị Hải Thảo; Hợp đồng thuê đất giữa ông Lý Đức Mạnh và bà Lý Thị Hải Thảo ngày 10/07/2017	97,5	
			- Hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 15/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang và ông Lý Gia Bảo (gồm 3	292,5	Đất thuê của cá nhân, trả tiền theo hợp đồng (thời hạn thuê 05 năm, từ 15/7/2017-14/7/2022)

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

TT	Tên dự án – Vị trí đất	Loại đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Đất mua/Đất thuê
			thửa đất số 02374.05.218; 02374.2.221 và 02374.2.220)		
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 952836 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/10/2006 cho ông Lý Gia Bảo và bà Hứa Thị Ngà	97,5	
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 952830 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/10/2006 cho bà Lý Thị Hải Hiền; Hợp đồng thuê đất ký giữa ông Lý Gia Bảo và bà Lý Thị Hải Hiền ngày 10/7/2017	97,5	
			+ Giấy CNQSDĐ số AG 952829 do UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/10/2006 cho bà Lý Hải Thơm; Hợp đồng thuê đất ký giữa ông Lý Gia Bảo và bà Lý Hải Thơm ngày 10/7/2017	97,5	
7	Mặt bằng siêu thị tại xã Kim Phú, Yên Sơn,		Hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày	1.000	Thuê mặt bằng của tổ chức, trả tiền

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYÊN QUANG

TT	Tên dự án – Vị trí đất	Loại đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m ²)	Đất mua/Đất thuê
	Tuyên Quang		10/3/2017 giữa Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang với Công ty cổ phần chè Sông Lô		theo hợp đồng (thời hạn thuê 10 năm, từ 15/3/2017-14/3/2027)
8	Mặt bằng siêu thị tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn, Tuyên Quang		Hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 26/11/2018 giữa Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang với ông Lê Xuân Thứ	526	Đất thuê của cá nhân, trả tiền theo hợp đồng (thời hạn thuê từ 26/11/2018-26/11/2028)

(Nguồn: CTCP Khoáng sản Tuyên Quang)

12. Tình hình quản lý và khai thác mỏ khoáng sản của Công ty

STT	Địa chỉ	Giấy phép		Hình thức khai thác	Loại khoáng sản	Thời hạn giấy phép	Ghi chú
		Số	Ngày				
1	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	39/GP-UBND	25/7/2015	Tận thu bãi thải mỏ Barite Đá Hàm 1	Quặng Barite	03 năm	Hết hạn
2	Xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	40/GP-UBND	25/7/2015	Tận thu bãi thải mỏ Barite Bẫy Mẫu	Quặng Barite	4,5 năm	Hết hạn

(Nguồn: CTCP Khoáng sản Tuyên Quang)

Tính đến thời điểm Công bố thông tin, Giấy phép khai thác khoáng sản của Công ty đều đã hết hạn và chuẩn bị thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ.

Từ năm 2017, Công ty đã dừng hoạt động khai thác khoáng sản và tập trung tiêu thụ hàng tồn kho. Trong 02 (hai) năm 2017 và 2018, 02 (hai) điểm mỏ được cấp phép khai

thác tận thu của công ty đều không có hoạt động khai thác.

Trường hợp Công ty muốn tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản thì phải làm thủ tục xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới để cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

13. Tình hình lao động và sử dụng lao động của Công ty

13.1. Tình hình lao động

Số lượng lao động có tên trong danh sách lao động của Công ty tại ngày 30/06/2020 là 110 người. Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty 30/06/2020

TT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	110	100%
1	Đại học và trên đại học	43	39,1%
2	Cao đẳng, trung cấp	24	21,8%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	17	15,5%
4	Lao động khác	26	23,6%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	110	100%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	03	2,7%
2	Lao động không xác định thời hạn	83	75,5%
3	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	20	18,2%
4	Khác	04	3,6%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang)

13.2. Chính sách với người lao động

❖ Chế độ làm việc

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác, giúp tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cá nhân của nhân viên.
- Chế độ làm việc tuân thủ quy định của Bộ luật lao động.
- Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế,...) được trang bị đầy đủ theo yêu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.

- Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm,...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá quy định so với luật hiện hành.

❖ **Thời gian làm việc và chính sách lương**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Công ty.

❖ **Chế độ phúc lợi xã hội**

- Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT,...)
- Người lao động tại công ty được hưởng chính sách khen thưởng, phúc lợi như thưởng cuối năm, thưởng trong các dịp lễ, tết, chính sách thăm nom, chế độ đối với lao động nữ,...theo quy định của công ty.
- Các chế độ phúc lợi khác theo qui định của Bộ luật lao động;
- Công ty cũng chú trọng trong công tác đảm bảo an toàn lao động cho người lao động.

14. Định hướng phát triển

Công ty xây dựng tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển như sau:

❖ **Tầm nhìn**

Xây dựng Công ty trở thành doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, phát triển ổn định, bền vững, có uy tín, vị thế và sức cạnh tranh cao, trong đó lấy kinh doanh thương mại dịch vụ làm chủ lực với chuỗi siêu thị hiện đại, dịch vụ hoàn hảo.

❖ **Mục tiêu**

- Xin cấp Giấy phép khai thác mới để đưa hoạt động khai thác chế biến barite hoạt động ổn định trở lại và nghiên cứu đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản khác có lợi thế trên địa bàn;
- Tiếp tục đầu tư mở rộng lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ, trong đó phát triển mở rộng chuỗi siêu thị bán lẻ hàng tiêu dùng trên phạm vi toàn tỉnh và phát triển sang các tỉnh lân cận;
- Năng lực, hiệu quả, sức cạnh tranh của Công ty không ngừng được nâng cao đi đôi với phát triển bền vững; cung cấp sản phẩm có chất lượng tốt, dịch vụ hoàn hảo để thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng và trở thành địa chỉ tin cậy của đối tác, khách hàng;

- Phân đầu doanh thu hằng năm tăng trưởng từ 10% trở lên, kinh doanh có lãi, vốn được bảo toàn và phát triển, quyền lợi của cổ đông được đảm bảo, nộp ngân sách nhà nước đạt 100% kế hoạch trở lên;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín, bản lĩnh và năng động, đội ngũ nhân viên trung thực, nhiệt tình, trách nhiệm và có trình độ đáp ứng yêu cầu vị trí làm việc; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để phát huy tối đa khả năng, sức sáng tạo của người lao động; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động;
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:

Bảng 14: Kế hoạch lợi nhuận năm tiếp theo

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% tăng giảm so với năm 2019
1	Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	73.760	77.679	5,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.019	966	(5,2)%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.019	966	(5,2)%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	1,38%	1,24%	
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	4,08%	3,86%	
6	Tỷ lệ chia cổ tức (%VĐL)	%	0%	0%	

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh của Công ty được ĐHĐCĐ năm 2020 thông qua)

(*) Bao gồm Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác.

Năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn như sản xuất Barite vẫn đang dừng hoạt động; khách hàng thuê gia công sản phẩm vẫn gặp khó khăn về thị trường; kinh doanh thương mại tiếp tục gặp nhiều cạnh tranh; lỗ lũy kế từ các năm trước còn lớn;....Cùng với đó là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 làm cho chuỗi cung ứng hàng hoá của các siêu thị bị gián đoạn, đình trệ; doanh số bán hàng tại các siêu thị giảm do kinh tế và thu nhập của người dân bị giảm sút; khu vui chơi trẻ em phải ngưng hoạt động; hoạt động cho thuê mặt bằng kinh doanh, cho thuê thiết bị sản xuất bị đình trệ do khách hàng tạm dừng hoạt động, chi phí cho hoạt động bị tăng lên;.... vì vậy Công ty xác định lợi nhuận năm 2020

sẽ bị giảm.

Một số giải pháp để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020:

- Về hoạt động gia công sản phẩm cho khách hàng: Duy trì hoạt động thường xuyên của Xưởng sản xuất Long Bình An, khai thác thêm khách hàng để có thể đưa Xưởng sản xuất Thái Bình vào hoạt động. Phần đầu năm 2020 gia công cho khách hàng đạt khoảng 20.000 tấn sản phẩm.
 - Tiếp tục dừng hoạt động khai thác, chế biến Barite và hoàn thiện các thủ tục đóng cửa các điểm mỏ Barite đã hết hạn giấy phép khai thác;
 - Tích cực tìm khách hàng để cho thuê thiết bị đang hoạt động được hiện có;
 - Rà soát, thanh lý một số tài sản là máy móc, thiết bị, nhà cửa đã khấu hao hết, hiện tại đã cũ, hỏng không sử dụng được hoặc không có nhu cầu sử dụng, sử dụng không có hiệu quả để tránh hao mòn vô hình và ngày càng giảm giá trị hoặc làm mất an toàn (nhà cửa).
 - Tiếp tục khai thác thêm mặt hàng mới để đa dạng hàng hoá tại hệ thống siêu thị; Thường xuyên đổi mới phương thức phục vụ phù hợp hơn, chuyên nghiệp hơn với từng địa bàn hoạt động; Tăng cường công tác marketing trong bán hàng;...để tăng sức cạnh tranh và tăng doanh số bán hàng tại các siêu thị..
 - Tích cực khai thác thêm khách hàng để cho thuê mặt bằng còn trống tại Trung tâm thương mại.
 - Tiếp tục nỗ lực tìm địa điểm tại trung tâm các huyện, khu đông dân cư để đầu tư thêm siêu thị mới, phần đầu trong năm đầu tư thêm ít nhất 01 siêu thị mới.
- Đến thời điểm tháng 6/2020 ước tính tổng doanh thu thực hiện của Công ty đạt khoảng 40.367 triệu đồng (đạt khoảng 52% kế hoạch), trong đó: doanh thu từ hệ thống siêu thị khoảng 38.880 triệu đồng, chiếm 96% tổng doanh thu 6 tháng đầu (thông thường 6 tháng cuối năm doanh thu sẽ thấp hơn); doanh thu từ gia công Barite, cao lanh và Fenspat đạt khoảng 1.190 triệu đồng; doanh thu cho thuê văn phòng là 290 triệu đồng; doanh thu cho thuê thiết bị sản xuất là 0 triệu đồng; doanh thu hoạt động tài chính đạt 7 triệu đồng.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Căn cứ Phụ lục số 02 Biên bản bàn giao quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang từ UBND tỉnh Tuyền Quang về SCIC, Công ty còn khoản phải trả lãi chậm nộp cổ tức năm 2004, 2005, 2006, 2007 và 2013 phải nộp về

Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Tổng số tiền lãi chậm nộp tạm tính là 563.306.201 đồng. Hiện tại Công ty đã thanh toán khoản cổ tức năm 2004, 2005, 2006, 2007 và 2013 nhưng chưa nộp khoản tiền lãi phạt nộp chậm này.

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ngày 30/6/2020, ĐHĐCĐ đã thông qua việc hạch toán khoản nợ lãi chậm nộp trên vào bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và ghi giảm lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm khẩn trương thanh toán số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn (nếu có)

Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Những thông tin cơ bản về cổ phiếu được chào bán

Tổ chức bán cổ phần : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
Tổ chức có cổ phần được : Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang
chào bán
Tên cổ phần chuyển : Cổ phần Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang
nhượng
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần : 1.275.000 cổ phần (chiếm 51% tổng số cổ phần đã phát hành
dự kiến chuyển nhượng theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)
Giá khởi điểm chào bán : 33.000 đồng/cổ phần. Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh
được thông qua theo Nghị quyết số 147/NQ-ĐTKDV.HĐTV
ngày 16/06/2020 của HĐTV SCIC và Quyết định số 254/QĐ-
ĐTKDV ngày 23/06/2020 của Tổng Giám đốc SCIC.

Thời gian tổ chức chào : Dự kiến Quý III năm 2020
bán cạnh tranh

2. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm

- Theo Chứng thư Thẩm định giá số 415/2020/UHY-BCTĐG ngày 15/06/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, đơn vị định giá thực hiện xác định giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) tại Công ty Cổ

phần Khoáng sản Tuyền Quang theo hai phương pháp: phương pháp tài sản và phương pháp tỷ số bình quân.

- Căn cứ Chứng thư Thẩm định giá số 415/2020/UHY-BCTĐG ngày 15/06/2020 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ban hành, Hội đồng thành viên SCIC đã ban hành Nghị quyết số 147/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 16/06/2020 và Quyết định số 254/QĐ-ĐTKDV ngày 23/06/2020 của Tổng Giám đốc SCIC, trong đó thông qua giá khởi điểm bán đấu giá là 33.000 đồng/cổ phần.

3. Phương thức chuyển nhượng vốn

Chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo đó nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán (1.275.000 cổ phần).

4. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3941 2626

Fax: 024. 3934 7818

Website: www.hnx.vn

5. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cả lô cổ phần của SCIC tại CTCP Khoáng sản Tuyền Quang do SCIC ban hành.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài

- *Theo thông tin đăng tải về ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia:*

Tại địa chỉ website:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=7e42>

Trong đó, ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang rà soát theo quy định tại Phụ lục 4, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc hội 13 thông qua ngày 26/11/2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ, như sau:

- ✓ Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu;
- ✓ Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

- ✓ Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

- Thông tin liên quan đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin về đầu tư nước ngoài đối với từng ngành nghề có điều kiện được Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang kiểm tra tại địa chỉ website:
<https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6>

Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Ghi chú
Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	100%	Luật chuyên ngành không quy định
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	Luật chuyên ngành không quy định.
Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu	100%	Luật chuyên ngành không quy định
Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	100%	Luật chuyên ngành không quy định.
Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	100%	Luật chuyên ngành không quy định.
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	Theo quy định tại Nghị định số 163/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2017 thì tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài là 51%

Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác	100%	Luật chuyên ngành không quy định.
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	100%	Pháp luật Việt Nam không quy định điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến đánh giá trữ lượng, khảo sát, thăm dò và khai thác tuân thủ theo quy định và pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, đối chiếu với các ngành nghề công ty hoạt động kinh doanh, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 51% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang.

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 0%. Do đó, các nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua cổ phần do SCIC chào bán. Tuy nhiên SCIC khuyến cáo các nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu kỹ quy định pháp luật Việt Nam về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp.

7. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn

Tất cả các cổ phần chào bán trong đợt này đều được tự do chuyển nhượng

8. Các loại thuế có liên quan

Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang hoạt động có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo đúng các quy định của pháp luật

9. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

Không có

10. Cam kết của SCIC

SCIC cam kết hỗ trợ tối đa nhà đầu tư trúng chào bán cạnh tranh sớm tham gia quản trị doanh nghiệp.

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

- Mục đích của việc chào bán cổ phần nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư theo chủ trương, kế hoạch thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp không cần giữ cổ phần.
- Việc chào bán phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông, không làm thay đổi vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3824 0703 Fax: 024. 6278 0136

2. Công ty có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng

Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang

Địa chỉ: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207. 3820778 Fax: 0207. 3827 707

3. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Địa chỉ: Số 2, Phan Chu Trinh, Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3936 0750/3941 2626 Fax: 024. 3934 7818

4. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.3974 1771 Fax: 024.3974 1760

5. Tổ chức thẩm định giá

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37557446 Fax: 024.37557448

6. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC

Địa chỉ: Tòa nhà ATC, lô D12, khu đấu giá quyền sử dụng đất Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 024.3200 0162 Fax: 024.3200 0163

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG

**THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ
SỞ HỮU CÓN CHUYỂN NHƯỢNG**

Các thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang được lấy từ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 và 2019 và các thông tin khác có liên quan do Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước cung cấp cho Đơn vị tư vấn.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chuyển nhượng vốn này không phải là đợt phát hành/chuyển nhượng cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản Công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo với Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này được lập trên cơ sở các thông tin, số liệu do TQM cung cấp, việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng. Chúng tôi không chịu trách nhiệm trong trường hợp TQM cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Bản Công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia chào bán cạnh tranh cần phải tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm Soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên, quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài,... cũng như đảm bảo rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào

bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang cho SCIC, chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang và các khách hàng khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn.

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
2. Phụ lục 2: Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
3. Phụ lục 3: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tuyền Quang
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và 2019
5. Phụ lục 5: Chứng nhận sở hữu cổ phần của SCIC tại CTCP Khoáng sản Tuyền Quang

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 8 năm 2020

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Song Lai

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Tuyên

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Hiệp